TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1405/2017/HNGĐ – ST
Ngày: 27 – 9 – 2017
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Viên

2. Bà Lê Thị Thanh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thành Luân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 965/2017/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2187/2017/QĐXXST – HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1991, địa chỉ thường trú tại số 22/256 đường TN, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ nơi cư trú hiện nay số 246 đường NTK, phường HT, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Ngô Thị Kim K, sinh năm 1993 trú tại số 22/256 đường TN, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Phạm Ngọc Đ trình bày:

Vào đầu năm 2013, anh và chị K có quen biết, tìm hiểu và yêu thương nhau, đến cuối năm 2013 thì tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 171, quyển số 01/2013 ngày 27/12/2013.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và sống tại nhà số 1762/13 đường A, tổ 2, khu phố 3, phường TTH, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, vào tháng 8 năm 2014 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Vào cuối tháng 12/2014 do có mâu thuẫn nên chị K đã đưa con về nhà mẹ ruột của chị K sinh sống. Đến giữa năm 2015, anh nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với chị K tại Tòa án nhân dân quận G nhưng do hai bên gia đình động viên, hòa giải nên hai vợ chồng đã đoàn tụ và về chung sống lại với nhau tại địa chỉ số 246 đường NTK, phường HT, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình chung sống từ năm 2015 đến năm 2017, mâu thuẫn vợ chồng lại tiếp tục phát sinh do tính tình không hòa hợp, vợ chồng hay cãi vã lẫn nhau. Chị K thường xuyên bỏ nhà về sống với mẹ ruột tại quận G dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng, quan tâm cũng như chăm sóc lẫn nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Anh và chị K đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2017 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm dành cho chị K không còn, hạnh phúc vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt nên anh yêu cầu được ly hôn với chị K để ổn định cuộc sống.

Về con chung: quá trình chung sống có một con chung tên là Phạm Thị Bảo N, sinh ngày 17/11/2014. Hiện cháu đang sống với chị K nên anh Đ đề nghị giao con chung cho chị K được trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai và tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn chị Ngô Thị Kim K trình bày:

Vào năm 2013, chị và anh Phạm Ngọc Đ có quen biết, tìm hiểu và yêu thương nhau, đến cuối năm 2013 thì tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 171, quyển số 01/2013 ngày 27/12/2013.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến tháng 02 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau nên vào tháng 10 năm 2015 thì chị đã bỏ về nhà mẹ ruột để sinh sống. Sau đó vì muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị đã quay về chung sống với anh Đ. Tuy nhiên, đến tháng 5 năm 2017, vợ chồng lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị phát hiện và có hỏi anh Đ nhưng anh Đ phủ nhận, sự việc này dẫn đến mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến tháng 8 năm 2017, vợ chồng lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, chị bị chồng cùng gia đình chồng đuổi ra khỏi nhà nên chị đã dẫn con về sinh sống tại nhà mẹ ruột từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, mạnh

ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Mặc dù giữa hai vợ chồng đã xảy ra quá nhiều mâu thuẫn, tình cảm không còn khả năng hàn gắn nhưng do con còn nhỏ, chị không muốn con sống thiếu đi tình cảm của cha và mẹ, đồng thời do chị là người theo đạo Công giáo nên không được phép ly hôn, do đó chị không đồng ý ly hôn với anh Đ, việc Tòa án có chấp nhận cho anh Đ ly hôn với chị hay không thì do Tòa án quyết định, chị không có ý kiến gì khác.

Do không đồng ý ly hôn nên vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung không đặt ra để giải quyết. Tuy nhiên, trong trường hợp buộc phải ly hôn thì chị có ý kiến như sau:

Về con chung: Có 01 con chung tên là Phạm Thị Bảo N, sinh ngày 17/11/2014. Nếu ly hôn thì chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn anh Phạm Ngọc Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện vì anh cho rằng mâu thuẫn giữa anh và chị K đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, hai người sống ly thân cũng đã lâu, anh không còn tình cảm với chị K nên anh yêu cầu được ly hôn với chị K để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Phạm Thị Bảo N, sinh ngày 17/11/2014. Hiện cháu N do chị K nuôi dưỡng nên anh đề nghị giao cháu N cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Ngô Thị Kim K có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do: chị bận công việc nên không thể tham gia phiên tòa được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều từ 26 đến Điều 40 BLTTDS. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 BLTTDS. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195 và 196 BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 BLTTTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Phạm Ngọc Đ.

Về con chung: Có một con chung tên là Phạm Thị Bảo N, sinh ngày 17/11/2014, giao con chung cho chị K nuôi dưỡng, anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Ngọc Đ yêu cầu xin ly hôn với chị Ngô Thị Kim K, cư trú tại số 22/256 đường TN, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Ngô Thị Kim K có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc nên không thể tham gia phiên tòa được, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị K theo qui định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 171, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường N, quận G cấp ngày 27/12/2013 đã có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân của anh Phạm Ngọc Đ và chị Ngô Thị Kim K là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, anh Đ xác định tình cảm dành cho chị K hiện nay không còn vì giữa hai bên đã xảy ra quá nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau dẫn đến mâu thuẫn giữa đôi bên đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng, quan tâm và chăm sóc lẫn nhau, mỗi

người đều có cuộc sống riêng. Anh và chị K đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2017 cho đến nay nên anh yêu cầu được ly hôn với chị K để ổn định cuộc sống.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 12/9/2017 chị K cũng xác nhận giữa chị và anh Đ trong quá trình chung sống có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, bên cạnh đó anh Đ còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ tháng 8 năm 2017, do có xảy ra mâu thuẫn, chị đã bị chồng cùng gia đình chồng đuổi ra khỏi nhà nên chị đã dẫn con về sinh sống tại nhà mẹ ruột từ đó cho đến nay.

Xét thấy, lời trình bày của anh Đ và chị K về nguyên nhân mâu thuẫn tuy không giống nhau nhưng cả đôi bên đều thừa nhận quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện vợ chồng đã sống ly thân, trong thời gian sống ly thân, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai, điều này cho thấy cả anh Đ và chị K đều không thực sự nỗ lực hàn gắn hạnh phúc và không có thiện chí đoàn tụ.

Bên cạnh đó, tuy chị K trình bày chị không đồng ý ly hôn với anh Đ với lý do chị mong muốn con cái có đầy đủ cha mẹ và chị là người theo đạo Công giáo nên không được phép ly hôn. Mặc dù không đồng ý ly hôn với anh Đ nhưng chị K lại không đưa ra được bất kỳ biện pháp hàn gắn hạnh phúc nào và chị cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ không còn khả năng hàn gắn, điều này cho thấy chị K cũng không có thiện chí thực sự đoàn tụ với anh Đ. Do đó, xét thấy nếu có tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân giữa anh Đ và chị K cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai bên.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn giữa anh Đ và chị K đã thực sự trầm trọng, hạnh phúc gia đình không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đối với yêu cầu xin ly hôn của anh Đ là có căn cứ để chấp nhận.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Phạm Thị Bảo N, sinh ngày 17/11/2014. Anh Đ đề nghị giao trẻ N cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Chị K cũng trình bày trong trường hợp ly hôn thì chị yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ N cho đến khi con trưởng thành. Xét thấy: cả anh Đ và chị K đều xác nhận, hiện nay cháu N do chị K chăm sóc nuôi dưỡng, do đó, để đảm bảo sự phát triển của trẻ về mọi mặt Hội đồng xét xử xét thấy nên giao trẻ N cho chị K được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành là phù hợp.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ đưa ra mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ, chị K cũng yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ. Xét thấy, việc các đương sự đưa ra mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi trẻ N trưởng thành là phù hợp với qui định của pháp luật nên ghi nhận, việc cấp dưỡng được thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ Luật Tố Tụng dân sự và Luật Phí và lệ phí:

Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, anh Đ phải chịu.

Án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: 300.000đ, anh Đ phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56 và Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Ngọc Đ được ly hôn với chị Ngô Thị Kim K.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 171, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường N, quận G cấp ngày 27/12/2013 cho anh Phạm Ngọc Đ và chị Ngô Thị Kim K không còn giá trị).

2. Về con chung: Có 01 con chung tên là Phạm Thị Bảo N, sinh ngày 17/11/2014. Chị K là người được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Bảo N, anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng cho đến khi trẻ Bảo N trưởng thành. Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc của người không trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Phạm Ngọc Đ phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0027094 ngày 19/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Anh Phạm Ngọc Đ phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Ngọc Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Ngô Thị Kim K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận G;
- THADS quận G;
- UBND phường N, quận G;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lĩnh